

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Số: 42/TASCO-KT

V/v giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 so với năm 2021.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Công ty Cổ phần Tasco giải trình về biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN so với cùng kỳ năm 2021, và biến động trước và sau kiểm toán, cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 - sau kiểm toán	Năm 2022 - trước kiểm toán	Chênh lệch BCTC sau - trước kiểm toán	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	Năm 2021	Chênh lệch năm nay so với năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	128.027.771	128.027.771	0	0%	74.728.440	53.299.331	71%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16.189.602	16.189.602	0	0%	11.116.924	5.072.678	46%
Doanh thu tài chính	21	340.464.415	340.464.415	0	0%	317.027.913	23.436.502	7%
Chi phí tài chính	22	7.122.472	7.122.472	0	0%	237.140.839	(230.018.366)	(97%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	138.227.992	133.960.719	4.267.273	3%	30.274.766	107.953.226	357%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	211.303.553	215.570.826	(4.267.273)	(2%)	59.386.110	151.917.443	256%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	212.584.790	216.852.063	(4.267.273)	(2%)	58.165.537	154.419.253	265%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	172.153.783	175.567.601	(3.413.819)	(2%)	58.165.537	113.988.246	196%

Lợi nhuận sau thuế TNDN với báo cáo tài chính riêng năm 2022 đạt 172 tỷ, như vậy tăng 114 tỷ đồng (tương đương tăng 196%) so với năm trước chủ yếu nhờ các mảng kinh doanh của công ty được phục hồi sau đại dịch Covid 19, chi phí tài chính giảm mạnh, đồng thời Công ty đã hoàn thành thoái vốn các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của Hội đồng Quản trị, qua đó mang lại lợi nhuận trong kỳ.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán giảm 3,4 tỷ - tương đương giảm 2%, do điều chỉnh một số khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 - sau kiểm toán	Năm 2022 - trước kiểm toán	Chênh lệch BCTC sau - trước kiểm toán	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	Năm 2021	Chênh lệch năm nay so với năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1.073.192.908	1.079.685.951	(6.493.043)	(1%)	873.627.990	199.564.918	23%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	390.050.612	385.727.750	4.322.862	1%	280.027.398	110.023.214	39%
Doanh thu tài chính	21	368.051.526	368.051.526	(0)	0%	241.366.117	126.685.409	52%
Chi phí tài chính	22	310.849.818	312.882.524	(2.032.706)	(1%)	308.472.570	2.377.248	1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	242.564.882	241.905.240	659.642	0%	102.738.547	139.826.335	136%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	191.691.002	183.981.919	7.709.084	4%	53.183.793	138.507.209	260%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	190.982.548	185.297.706	5.684.842	3%	50.180.509	140.802.038	281%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	143.845.522	138.236.076	5.609.446	4%	44.153.013	99.692.510	226%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2022 đạt 144 tỷ, tăng 99 tỷ đồng (tương đương tăng 226%) so với năm trước chủ yếu do các nguyên nhân:

- Các mảng kinh doanh đều hồi phục và tăng trưởng doanh thu: thu phí đường bộ, VETC đều có tăng trưởng so với năm trước.
- Đồng thời Công ty đã hoàn thành thoái vốn, tinh gọn các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của Hội đồng Quản trị, qua đó mang lại lợi nhuận trong kỳ.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán tăng 5,6 tỷ - tương đương tăng 4%, do điều chỉnh chi phí ước tính tại các công ty thành viên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;
- Lưu Kế toán;
- Lưu Tài Chính.

